TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 407/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủy Nguyên, ngày 07 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 586/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số Z, xã P, huyện L, tỉnh Đ và anh Trần Quang C, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị T và anh Trần Quang C là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 50 đăng ký ngày 23/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đ); nay hai bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thuận tình ly hôn được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Trần Quang C thống nhất có hai con chung tên là Trần Quang H sinh ngày 27/11/2008 và Trần Quang D sinh ngày 08/12/2010. Hai bên thỏa thuận để cho anh Trần Quang C trực tiếp nuôi hai con chung cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là tự nguyện, bảo đảm được lợi ích toàn diện của con nên chấp nhận.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Trần Quang C thỏa thuận tự giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự nên chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Trần Quang C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị Huỳnh Thị T nhận nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là tự nguyện, bảo đảm được nghĩa vụ nộp lệ phí nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T và anh Trần Quang C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Quang C trực tiếp nuôi hai con chung tên là Trần Quang H sinh ngày 27/11/2008 và Trần Quang D sinh ngày 08/12/2010 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Trần Quang C tự giao nhận cho nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Trần Quang C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Huỳnh Thị T nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002815 ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Huỳnh Thị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T, thành phố H;
- UBND xã P, huyện L, tỉnh Đ;

(Giấy CNKH số 50, ĐK ngày 23/5/2008)
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vân